

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/02/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tăng và bà Phạm Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** chị Lại Thị Kim D, sinh năm 1989. Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố số 7, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Chỗ ở hiện nay: Số 1, tầng 7 số 82 đường Hậu Sinh, khu Lô Trúc, thành phố Đào Viên, Đài Loan (Trung Quốc).

*** Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1987. Nơi ĐKKHKT: Xóm 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà - Cục C10 Bộ Công an.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ dân phố số 7, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lại Thị Kim D kết hôn với anh Trần Văn T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 12/03/2008 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chị D sống cùng gia đình chồng tại thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, một thời gian sau chị D phát hiện anh T nghiện ma túy, không quan tâm đến chị D, và gia đình, nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc; ngoài ra anh T còn quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, người phụ nữ đó đã gọi điện cho chị D nói những lời khó nghe, chị D có hỏi thì anh T thừa nhận. Ngày 05/6/2017, anh T bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt tù, hiện anh T vẫn đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà - Bộ Công an, địa chỉ tại xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Cùng thời gian này, chị D đã chuyển hộ khẩu của chị và hai con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại Tổ dân phố số 7, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Năm 2018, chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ đó cho đến nay, thời gian tháng 11 năm 2022 chị về Việt Nam thăm gia đình rồi lại quay trở lại Đài Loan làm việc.

Chị D trình bày chị và anh T không sống chung, không quan tâm đến nhau từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh Trần Văn T, vợ chồng không thể hòa hợp, hàn gắn được nên về quan hệ hôn nhân chị xin ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị D trình bày vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trần Phúc N, sinh ngày 09/7/2006 và cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 26/8/2015, từ năm 2018, khi chị đi Đài Loan chị gửi hai con lại cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị N, trú tại tổ dân phố số 7, thị trấn Q, huyện K chăm sóc. Hiện hai cháu đang ở với chị và ông bà ngoại. Tại đơn khởi kiện (đề ngày 03/11/2022) và bản tự khai (đề ngày 09/11/2022) chị Lại Thị Kim D đều đề nghị được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Trần Văn T góp phí tổn nuôi con chung. Do chị hiện đang lao động tại Đài Loan nên nhờ bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị D tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm của bị đơn (anh Trần Văn T): Do anh T đang chấp hành án nên tại bản tự khai từ Trại giam (đề ngày 20/12/2022), anh T xác định anh và chị Lại Thị Kim D tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng như chị D trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, đến năm 2017 anh bị bắt và bị tuyên phạt 08 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, phải đi chấp hành tại Trại giam Nam Hà - Bộ Công an; chị D sau đó đi lao động tại Đài Loan. Từ đó cho đến nay vợ chồng không gặp nhau nên tình cảm phai nhạt, nay anh thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh Trần Văn T xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Phúc N, sinh năm 2006 và cháu Trần Thị Ngọc A, sinh năm 2015. Do hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh đồng ý với ý kiến của chị D về nuôi con chung; Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ chị Lại Thị Kim D) trình bày: chị Lại Thị Kim D và anh Trần Văn T kết hôn năm 2008, sau đó bà thấy cuộc sống vợ chồng của chị D không hạnh phúc, anh T thường xuyên xa nhà, không quan tâm thăm nom, chăm sóc các con. Tháng 5/2017 chị D và hai cháu Trần Phúc N, Trần Thị Ngọc A về nhà bà ở hẳn cho đến thời điểm hiện tại. Đến nay chị D đề nghị ly hôn với anh T, do chị D đang đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan nên bà nhận trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu N, A bằng hoàn toàn số tiền do chị D chu cấp.

Cháu Trần Phúc N và cháu Trần Thị Ngọc A đều có quan điểm: hai cháu là con của bố Trần Văn T và mẹ Lại Thị Kim D. Hai cháu đã chứng kiến bố mẹ cãi nhau nhiều lần, bố không hề quan tâm đến gia đình, bố mẹ không ở với nhau đã lâu. Từ năm 2017 đến nay các cháu được mẹ chuyển đến ở với bà ngoại được ông bà ngoại nuôi dưỡng, chăm sóc. Mẹ các cháu đi Đài Loan lao động, nếu bố mẹ ly hôn, các cháu đều có quan điểm muốn được ở với mẹ, trong thời gian mẹ cháu ở Đài Loan các cháu xin được ở với ông bà ngoại.

* Quá trình giải quyết vụ án, chị Lại Thị Kim Dững có đơn đề nghị không lựa chọn giải quyết vụ án theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án nên Tòa án không tiến hành thủ tục này theo đề nghị của đương sự; chị D có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án; anh Trần Văn T hiện đang chấp hành án tại Trại giam nên cũng có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án do vậy Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lại Thị Kim D và anh Trần Văn T; về con chung: giao cháu

Trần Phúc N, sinh ngày 09/7/2006 và cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 26/8/2015 cho chị Lại Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng; anh Trần Văn T không phải góp phí tổn nuôi con cùng chị D. Do đang lao động tại Đài Loan, chị Dung ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N về việc thay chị chăm sóc giáo dục các cháu Nguyên, Ánh trong thời gian chị vắng nhà; án phí ly hôn sơ thẩm chị Lại Thị Kim D tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lại Thị Kim D hiện đang lao động tại Đài Loan (thời hạn trong Thẻ cư trú Trung Hoa dân quốc đến ngày 03/6/2024); trong thời gian về Việt Nam thăm gia đình, chị D nộp Đơn xin ly hôn anh Trần Văn T. Yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị Kim D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lại Thị Kim D sau khi nộp Đơn khởi kiện và tài liệu liên quan cho Tòa án tiếp tục sang Đài Loan lao động, chị có đơn đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, tại phiên tòa, chị ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N nhận các giấy tờ, thủ tục tại Tòa án. Anh Trần Văn T hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà - Bộ Công an, quá trình tố tụng anh T có đơn đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị N cũng có Đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với việc giải quyết vụ án, thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lại Thị Kim D và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 12/03/2008 tại UBND thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị D trình bày, quá trình chung sống chị phát hiện anh T nghiện ma túy, không quan tâm đến chị và gia đình nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc; năm 2017 anh T phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị tuyên mức án 08 năm tù, phải đi chấp hành án tại Trại giam nên vợ chồng không gặp, không quan tâm đến nhau, cùng thời gian anh T phạm tội, chị và hai con đã chuyển hộ khẩu về ở hẳn nhà bố mẹ đẻ chị tại tổ dân phố số 7, thị trấn Quế, huyện Kim Bảng. Năm 2018 chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến thời điểm hiện tại, chị

xác định không còn tình cảm với anh T nên xin ly hôn. Anh T tại bản tự khai xác định mặc dù vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng từ khi anh phạm tội năm 2017 đến nay vợ chồng không sống chung, không gặp nhau không quan tâm đến nhau nên anh nhất trí ly hôn theo đề nghị ly hôn của chị D.

Xét thấy: giữa chị D và anh T có mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân lâu, (chị D và hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2017 đến nay) không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D tại đơn khởi kiện, bản tự khai đều nhất quyết xin ly hôn với anh Trần Văn T, anh T cũng có quan điểm nhất trí ly hôn với chị D, hai bên đương sự thỏa thuận tự nguyện ly hôn phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Trần Phúc N, sinh ngày 09/7/2006 và cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 26/8/2015. Từ năm 2017, chị D đưa hai con về ở hẳn nhà bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ chị D), tại tổ dân phố số 7, thị trấn Q, huyện K, đến năm 2018 chị D đi xuất khẩu lao động cho đến nay, hai cháu Nguyên và cháu Ánh vẫn ở cùng và do bà Nhung chăm sóc, giáo dục. Từ năm 2017, anh Trần Văn T đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà (đến nay còn phải chấp hành hơn 01 năm tù) nên không thể trực tiếp nuôi con chung. Chị D có đề nghị được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh T góp phí tổn nuôi con cùng chị, mặc dù chị D hiện cùng đang lao động tại Đài Loan nhưng chị đã ủy quyền nhờ mẹ chị là bà Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu và bà Nguyễn Thị N cũng đồng ý nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu A trong thời gian chị D ở nước ngoài. Thực tế các cháu Nguyên và Ánh đã ở và được bà Nhung chăm sóc, giáo dục từ năm 2017 đến nay, các cháu đều được nuôi dưỡng tốt. Bản thân cháu Trần Phúc N và cháu Trần Thị Ngọc A cũng có quan điểm muốn được ở với mẹ và ông bà ngoại. Quan điểm về con chung của chị D là chính đáng, phù hợp pháp luật và thực tế tránh làm xáo trộn cuộc sống, lao động và học tập của hai cháu. Anh Trần Văn T cũng có quan điểm nhất trí với ý kiến của chị D về con chung nên được Tòa án chấp nhận

Về tài sản chung, riêng, công nợ và các vấn đề khác: Chị D và anh T không yêu cầu vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật, chị Lại Thị Kim D và anh Trần Văn T mỗi người phải phải nộp 75.000đ; tuy nhiên do chị D có ý kiến tự nguyện nộp toàn bộ án phí nên chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc nộp toàn bộ án phí là 150.000đ, được trừ số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 48, Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 469 và Điều 476, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử lý công nhận thuận thuận tình ly hôn giữa chị Lại Thị Kim D và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lại Thị Kim D và anh Trần Văn T; giao cháu Trần Phúc N (con trai), sinh ngày 09/7/2006 và cháu Trần Thị Ngọc A (con gái), sinh ngày 26/8/2015 cho chị Lại Thị Kim D trực nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T không phải góp phí tổn nuôi con chung. Trong thời gian chị D đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan, các cháu Trần Phúc N và Trần Thị Ngọc A do bà Nguyễn Thị N chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Văn T được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị D và gia đình không được cản trở việc anh Trần Văn T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng và các vấn đề khác: Chị Lại Thị Kim D và anh Trần Văn T không đề nghị nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lại Thị Kim D và anh Trần Văn T mỗi người phải nộp 75.000đ, chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc nộp toàn bộ án phí là 150.000đ. Số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001519 ngày 08/11/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam được đối trừ khi thi hành án, chị D được nhận lại 150.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị Lại Thị Kim D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án, được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật; anh Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND thị trấn Ba Sao, Kim Bảng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS, HCTP.

Nguyễn Mạnh Hùng